

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST  
Ngày 17 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phan Công Trí.

*Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Thanh Hùng.
- Ông Huỳnh Mậu Thìn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà M:* Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1956.  
Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023)(có mặt).

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà **Phan Ngọc T** – Luật sư Văn phòng L và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Khóm E, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0917166477 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số A, tổ B, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Đỗ Thị M** (tên gọi khác **Đỗ Bạch M1**), sinh năm 1945.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3.2. Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Trụ sở: Số G, đường L, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.  
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Bình T1** – Chức vụ: Giám đốc.  
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hiếu N** – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 08/11/2024)(vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 26/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Đỗ Thị M là nguyên đơn trình bày:*

Cụ ông Đỗ Kiển T2 (chết năm 2001) và cụ bà Trầm Thị N1 (chết năm 1995) có 02 người con chung: Đỗ Thị M (Tên gọi Đỗ Bạch M1 sinh năm 1945), Đỗ Thị M sinh năm 1959 và không còn người con nào khác.

Cụ T2 và cụ N1 có để lại di sản là quyền sử dụng đất theo mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, cụ thể:

+ Vị trí I diện tích 300m<sup>2</sup>, thuộc thửa 45; tờ bản đồ số 12.

+ Vị trí II diện tích 1.198,1m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa số 46; tờ bản đồ số 12 (dư 71,2 m<sup>2</sup>) so với đơn khởi kiện đã có sự chênh lệch nên tôi xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của mình đối với diện tích trên.

+ Vị trí III diện tích 320,9m<sup>2</sup> thuộc thửa số 44; tờ bản đồ 12.

Riêng diện tích đất tại vị trí IV, diện tích 42,9m<sup>2</sup> do ông Trương Văn G đứng tên sổ mục kê, nhưng bà M, ông K là người sử dụng. Bà M rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất này.

Khi chết, cụ T2 và cụ N1 không để lại di chúc. Diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay do bà M, ông K sử dụng, nhưng không biết lý do gì ông Lê Văn Đ lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà Đỗ Thị M yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2, cụ N1 theo quy định của pháp luật, cụ thể: Bà M yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ các diện tích đất và sở hữu các cây trồng trên đất, do bà Đỗ Thị M (T3 gọi Đỗ Bạch M1 sinh năm 1945) từ chối nhận di sản và đồng ý giao cho bà. Yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn Đ.

*Theo ông Lê Văn Đ là bị đơn trình bày:*

Ông là cháu ngoại (cháu ngoại nuôi nhận nuôi lúc 10 tuổi) của cụ ông Đỗ Kiển T2 (chết năm 2001) và cụ bà Trầm Thị N1 (chết năm 1995). Ông, bà ngoại có 02 người con nuôi là: Đỗ Thị M (Tên gọi Đỗ Bạch M1, sinh năm 1945), Đỗ Thị M, sinh năm 1959 và không còn người con nào khác. Ông là con ruột của bà

Đỗ Thị M, sinh năm 1945 (Đỗ Bạch M1) cũng là chị gái của bà Đỗ Thị M, sinh năm 1959.

Vào khoảng 10 -15 tuổi, ông sống chung với ông ngoại (cụ T2). Thời điểm sống chung, cụ T2 tự ý đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất cho ông đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông được ông ngoại cho vào năm 1996, đến năm 2018, ông cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất tranh chấp do bà M quản lý, sử dụng, ông không có ý kiến bởi. Bà M là người đứng ra xây mồ mã cho ông, bà ngoại, vào thời điểm đó cũng làm hàng rào khóa lại phần đất, ông biết sự việc đó nhưng nghĩ đất chôn ông, bà, nên ông cũng không có ý kiến gì. Nay, ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị M (Đỗ Bạch M1) trình bày:*

Bà từ chối nhận di sản thừa kế, đồng ý giao lại toàn bộ diện tích đất mà cụ T2, cụ N1 để lại tại ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho nguyên đơn bà Đỗ Thị M được hưởng thừa kế theo quy định.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K trình bày:* Thông nhất theo lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị M.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế. Đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T2, cụ N1, bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn đứng tên. Do đó, căn cứ khoản 5, khoản 14

Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Bạch M1, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (bút lục 153, 158), nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Phạm vi giải quyết vụ án: Ngoài yêu cầu theo đơn khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đối với các diện tích đất. Bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Như vậy, phạm vi giải quyết vụ án chỉ có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4] Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn ông Lê Văn Đ. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp theo sự chỉ ranh của đương sự thể hiện có 42,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 32, tờ bản đồ số 2 do ông Trương Văn G kê khai sổ mục kê và diện tích đất dùng làm khu mô mã chôn cụ T2 và cụ N1 81m<sup>2</sup> và diện tích 71,2m<sup>2</sup> (diện tích đất dư so với diện tích đo thực tế). Do đó, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với diện tích đất này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu đương sự đã rút, theo quy định tại khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu chia thừa kế tài sản của các nguyên đơn:

[2.1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phân đất đang tranh chấp ngày 14/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phân đất đang tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được biên tập lại theo công văn của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí, tứ cận như sau:

\* Phần đất tranh chấp thứ nhất:

+ Một phần thửa 46, tờ bản đồ 12:

- Hướng Đông giáp đất ông Trương Văn G (N) và thửa 45, có chiều dài 4,40m + 11,19m + 20,77m + 1,9m + 3,76m.

- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị H, có chiều dài 0,64m + 28,30m + 15,30m.

- Hướng Nam giáp đất ông Trương Văn G (N), có chiều dài 34,46m.

- Hướng Bắc giáp lộ nhựa P (đường bê tông), có chiều dài 36,80m.

Diện tích: 1.193,4m<sup>2</sup>.

+ Thửa 45, tờ bản đồ 12:

- Hướng Đông giáp đất ông Trương Văn G, có chiều dài 26,74m.
- Hướng Tây giáp thửa 46 và khu mộ, có chiều dài 20,77m.
- Hướng Nam giáp thửa 46 và khu mộ, có chiều dài 8,57m.
- Hướng Bắc giáp thửa 46, có chiều dài 11,19m.

Diện tích: 223,7m<sup>2</sup>.

Thửa 45, tờ bản đồ 12 và một phần thửa 46, tờ bản đồ 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ. Hiện trạng trên 02 thửa đất tranh chấp gồm có các công trình, cây trồng: Được bao bọc bởi bức tường được làm bằng bê tông, cốt thép có chiều cao 02m, có cổng ra vào làm bằng sắt, 20 cây dừa (trong đó có 07 cây dừa đang cho trái), 04 cây ổi, 19 cây xoài (trong đó có 02 cây to), một cây mần cầu, 01 cây vú sữa, 04 cây cao kiền nhỏ, 30 cây chuối, 01 cây bạch đàn to, 32 cây bông trang, 01 cây khế, 04 cây chanh, 02 cây bưởi, 01 cây mít, 08 cây mai vàng, 04 cây nguyệt quế, 01 cây sung, 02 cây hoa sứ. Các cây trồng và công trình đều do bà M1 và ông K trồng và xây dựng.

\* Phần đất tranh chấp thứ hai:

- Hướng Đông giáp sông P, có chiều dài 8,44m.
- Hướng Tây giáp sông P, có chiều dài 8,83m.
- Hướng Nam giáp lộ nhựa P, có chiều dài 37,07m.
- Hướng Bắc giáp sông P, có chiều dài 37,07m.

Diện tích: 320,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 44, tờ bản đồ 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lê Văn Đ. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp: Bờ kè bê tông cốt thép xung quanh 03 hướng, có 22 cây dừa nhỏ, 12 cây bông trang. Các cây trồng và công trình đều do bà M1 và ông K trồng và xây dựng.

\* Phần đất tranh chấp thứ hai:

- Hướng Đông giáp sông P, có chiều dài 8,44m.
- Hướng Tây giáp sông P, có chiều dài 8,83m.
- Hướng Nam giáp lộ nhựa P, có chiều dài 37,07m.
- Hướng Bắc giáp sông P, có chiều dài 37,07m.

Diện tích: 320,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 44, tờ bản đồ 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lê Văn Đ. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp: Bờ kè bê tông cốt thép xung quanh 03 hướng, có 22 cây dừa nhỏ, 12 cây bông trang. Các cây trồng và công trình đều do bà M1 và ông K trồng và xây dựng.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc của cụ Đỗ Kiền T2 và cụ Trầm Thị Ngọc C. Đến ngày 04/4/1995, ông Lê Văn Đ đăng ký kê khai được UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 18.840 m<sup>2</sup>, trong đó thửa 60 tờ bản đồ số 01 diện tích 1.840 m<sup>2</sup>;

thửa 392, tờ bản đồ 01 diện tích đất 17.000m<sup>2</sup>. Đến năm 2018, ông Lê Văn Đ có đơn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đổi lại tại thửa 60 tờ bản đồ số 01 diện tích 1.840m<sup>2</sup> được cấp đổi thành 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: diện tích 300m<sup>2</sup> thuộc thửa 45, tờ bản đồ 12; diện tích 1.269,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 46 tờ bản đồ số 12 và diện tích 320,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 44 tờ bản đồ 12, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ vào ngày 27/6/2018, tại các Giấy chứng nhận số 562841, 562846 và 562847.

[2.3] Xét về quá trình đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 04/4/1995, ông Đ kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cụ T2, cụ N1 khai phá. Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ vào năm 1995 nhận thấy: Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất là “thừa kế” nhưng trong hồ sơ không có bất kỳ chứng cứ nào thể hiện ông Đ được nhận thừa kế đối với diện tích đất trên, mặt khác tại thời điểm này cụ T2 vẫn còn sống. Lời khai của ông Lê Văn Đ xác định diện tích đất trên là do ông ngoại là cụ Đỗ Kiển T2 tặng cho và người đi đăng ký kê khai là ông Lê Văn S là cha của ông Đ. Ông Đ không trực tiếp đăng ký nhưng hồ sơ cấp giấy cũng không có giấy tờ nào xác định việc cụ T2 tặng cho. Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn S (bút lục 44), ông S xác định “*Tôi chỉ có phần đất vuông tôm cho Đ, còn phần diện tích 1.840m<sup>2</sup> là đất của ông già vợ tôi (Đỗ Kiển T2) không phải của Tôi. Tôi không có làm thủ tục cho Đ phần đất này... Tôi không đi làm thủ tục tặng cho Đ, mà Đ tự đi làm. Diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay là em vợ tôi Đỗ Thị M sử dụng trồng cây và chôn cất cha, mẹ vợ tôi, tôi cũng không nghe nói ông T2 cho Đ diện tích đất này..*”. Do đó có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp không phải của ông Lê Văn Đ nhưng UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Văn Đ vào năm 1995 là cấp không đúng quy định của pháp luật. Bản thân ông Lê Văn Đ cũng thừa nhận diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay bà M, ông K quản lý sử dụng, ông không quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp nhưng đến năm 2018, ông Đ làm đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/6/2018 cho ông Lê Văn Đ đối với diện tích 320,9m<sup>2</sup> tại thửa 44; diện tích 300m<sup>2</sup>, tại thửa 45 và diện tích 1.269,3m<sup>2</sup> tại thửa số 46, tờ bản đồ số 12 là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà Đỗ Thị M về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn Đ đối với diện tích đất tranh chấp.

[2.4] Xét hàng thừa kế của cụ T2, cụ N1: Cụ T2, cụ N1 chết không để lại di chúc, bà M, ông Đ xác định cụ T2, cụ N1 có 02 người con bà Đỗ Thị M sinh năm 1959 và Đỗ Thị M (tên gọi khác Đỗ Bạch M1) sinh năm 1945, cụ T2, cụ N1 không còn người con nào khác. Tại Bản tự khai của bà Đỗ Thị M (Đỗ Bạch M1) ngày 08/11/2024 (bút lục 153) bà M1 xác định “*..Tôi từ chối nhận di sản thừa kế,*

*đồng ý giao lại toàn bộ diện tích đất mà cha mẹ tôi để lại tại ấp C, xã P, thị xã G cho gái tôi là Đỗ Thị M, sinh năm 1959 được hưởng thừa kế theo quy định... ”.*

[2.5] Từ sự phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất cụ cụ T2, cụ N1 chết để lại. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1959 được hưởng toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích 1.738m<sup>2</sup> thuộc các thửa 44, 45 và 46 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về yêu cầu huỷ Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn Đ đứng tên:

Như phân tích tại mục [2], không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp 1.861,9m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Cho thấy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị M, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích 300m<sup>2</sup> thuộc thửa 45, tờ bản đồ 12; diện tích 1.269,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 46 tờ bản đồ số 12 và diện tích 320,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 44 tờ bản đồ 12, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ vào ngày 27/6/2018, tại các Giấy chứng nhận số 562841, 562846 và 562847.

Bà Đỗ Thị M được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích trên theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí thông tin đất đai với số tiền 5.978.264 đồng. Nguyên đơn bà Đỗ Thị M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bà M phải chịu 5.978.264 đồng. Bà M đã tạm ứng và chi xong 5.978.264 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M nhận di sản gồm đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm, cây trồng với tổng trị giá 166.769.800 đồng, nên phải chịu 166.769.800 đồng x 5% = 8.338.490 đồng. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí (bút lục 11) nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên toà có căn cứ, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650,

Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4, 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với diện tích 81m<sup>2</sup>, 42,9m<sup>2</sup> và 71,2m<sup>2</sup>.

\* Diện tích đất 81m<sup>2</sup> (khu mộ) có vị trí, tứ cạnh như sau:

- Hướng Bắc giáp thửa 45, 46, có chiều dài 1,9m + 5m.
- Hướng Nam giáp thửa 45, 46, có chiều dài 2,41m + 4,49m.
- Hướng Đông giáp thửa 45, có chiều dài 11,8m.
- Hướng Tây giáp thửa 46, có chiều dài 3,76m + 7,04m + 1m.

\* Diện tích 42,9m, có vị trí tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất Trương Văn G, có chiều dài 2,50m.
- Hướng Tây giáp đất Lê Thị H, Trương Văn G, có chiều dài 00m.
- Hướng Nam giáp đất Trương Văn G, có chiều dài 1,80m + 34,24m.
- Hướng Bắc giáp thửa 46, có chiều dài 34,46m.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn Đ. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số CO 562841, diện tích 320,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 12; Giấy chứng nhận số CO 562846, diện tích 300m<sup>2</sup> thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 12; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 562847 diện tích 1.269,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 46 tờ bản đồ số 12 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lê Văn Đ ngày 27/6/2018.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn bà Đỗ Thị M đối với diện tích đất 1.738m<sup>2</sup>. Giao cho bà Đỗ Thị M được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 1.738m<sup>2</sup> thuộc các thửa 44, 45 và 46 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

\* Phần đất tranh chấp thứ nhất:

+ Một phần thửa 46, tờ bản đồ 12:

- Hướng Đông giáp đất ông Trương Văn G (N) và thửa 45, có chiều dài 4,40m + 11,19m + 20,77m + 1,9m + 3,76m.
- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị H, có chiều dài 0,64m + 28,30m + 15,30m.
- Hướng Nam giáp đất ông Trương Văn G (N), có chiều dài 34,46m.
- Hướng Bắc giáp lộ nhựa P (đường bê tông), có chiều dài 36,80m.

Diện tích: 1.193,4m<sup>2</sup>.

+ Thửa 45, tờ bản đồ 12:

- Hướng Đông giáp đất ông Trương Văn G, có chiều dài 26,74m.
- Hướng Tây giáp thửa 46 và khu mộ, có chiều dài 20,77m.
- Hướng Nam giáp thửa 46 và khu mộ, có chiều dài 8,57m.
- Hướng Bắc giáp thửa 46, có chiều dài 11,19m.

Diện tích: 223,7m<sup>2</sup>.

Thửa 45, tờ bản đồ 12 và một phần thửa 46, tờ bản đồ 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ. Hiện trạng trên 02 thửa đất tranh chấp gồm có các công trình, cây trồng: Được bao bọc bởi bức tường được làm bằng bê tông, cốt thép có chiều cao 02m, có cổng ra vào làm bằng sắt, 20 cây dừa (trong đó có 07 cây dừa đang cho trái), 04 cây ổi, 19 cây xoài (trong đó có 02 cây to), một cây mần cầu, 01 cây vú sữa, 04 cây cao kiền nhỏ, 30 cây chuối, 01 cây bạch đàn to, 32 cây bông trang, 01 cây khế, 04 cây chanh, 02 cây bưởi, 01 cây mít, 08 cây mai vàng, 04 cây nguyệt quế, 01 cây sung, 02 cây hoa sứ. Các cây trồng và công trình đều do bà M và ông K trồng và xây dựng.

\* Phần đất tranh chấp thứ hai:

- Hướng Đông giáp sông P, có chiều dài 8,44m.
- Hướng Tây giáp sông P, có chiều dài 8,83m.
- Hướng Nam giáp lộ nhựa P, có chiều dài 37,07m.
- Hướng Bắc giáp sông P, có chiều dài 37,07m.

Diện tích: 320,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 44, tờ bản đồ 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lê Văn Đ. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp: Bờ kè bê tông cốt thép xung quanh 03 hướng, có 22 cây dừa nhỏ, 12 cây bông trang. Các cây trồng và công trình đều do bà M và ông K trồng và xây dựng.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất đang tranh chấp ngày 14/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất đang tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được biên tập lại theo công văn của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu).

Bà Đỗ Thị M được quyền đăng ký kê khai đối với các phần diện tích đất được giao như tuyên tại phần này.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Đỗ Thị M phải chịu 5.978.264 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) (Bà M đã chi xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị M được miễn toàn bộ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Phan Công Trí**